

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trạm trộn bê tông tươi và bê tông nhựa nóng Thịnh Ngân” tại Cụm Công nghiệp M’Đrắk, xã Krông Jing, huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 7/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh “Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư”, cấp lần đầu ngày 02/11/2023;

Xét Công văn số 623/STNMT-MT ngày 01/03/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường “V/v thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trạm trộn bê tông tươi và bê tông nhựa nóng Thịnh Ngân tại Cụm Công Nghiệp M’Đrắk, huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk”; Công văn số 1104/CV-TBTN đề ngày 11/4/2023 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thịnh Ngân Tây Nguyên “Về việc đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trạm trộn bê tông tươi và bê tông nhựa nóng Thịnh Ngân”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 116/TTr-STNMT ngày 17/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trạm trộn bê tông tươi và bê tông nhựa nóng Thịnh Ngân” tại Cụm

Công nghiệp M'Đrắk, xã Krông Jing, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thịnh Ngân Tây Nguyên (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện M'Đrắk;
- C.ty TNHH Sản xuất Thương mại Thịnh Ngân Tây Nguyên (đ/c: Thôn 18, xã Ea Riêng, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk);
- Ban QLDAĐTXD Công trình huyện M'Đrắk;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “TRẠM TRỘN BÊ TÔNG TƯƠI VÀ BÊ TÔNG NHỰA
NÓNG THỊNH NGÂN” TẠI CỤM CÔNG NGHIỆP M’ĐRẮK,
XÃ KRÔNG JING, HUYỆN M’ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Trạm trộn bê tông tươi và bê tông nhựa nóng Thịnh Ngân.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thửa đất số KS-CK1, KS-CK2, KS-CK3, KS-CK4, KS-CK5 của Cụm Công Nghiệp M’Đrắk, xã Krông Jing, huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thịnh Ngân Tây Nguyên.
- Địa chỉ liên lạc: Thôn 18, xã Ea Riêng, huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích thực hiện dự án là 32.659,96 m². Trong đó: Diện tích xây dựng hạng mục, công trình là 3.947,17 m² (tỷ lệ 12,09 %), diện tích cây xanh là 6538,52 m² (tỷ lệ 20,02 %), diện tích đường giao thông, sân bãi là 22.174,27 m² (tỷ lệ 67,89 %).

- Loại hình sản xuất: Sản xuất bê tông tươi và bê tông nhựa nóng.

- Quy mô công suất:

+ Trạm trộn bê tông tươi: Công suất 60 m³/giờ (Sản lượng bê tông thương phẩm là 88.200 m³/năm).

+ Trạm trộn bê tông nhựa nóng: công suất 80 tấn/giờ (Sản lượng bê tông nhựa nóng là 76.800 tấn/năm).

1.3. Công nghệ sản xuất:

Quy trình sản xuất tại Dự án như sau:

a) Trạm trộn bê tông tươi (Trạm trộn bê tông thương phẩm CVC), công suất là 60 m³/giờ (88.200 m³/năm) do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiết bị G7 cung cấp thiết bị, lắp ráp.

Quy trình công nghệ sản xuất bê tông tươi: Nguyên liệu → Bunke chứa nguyên liệu → Cân định lượng → Thùng chứa nguyên liệu → Thùng trộn → Xe vận chuyển bê tông.

b) Trạm trộn bê tông nhựa nóng (Trạm trộn ASPHLT P TBN - 1300 CB-CK-TĐ), công suất 80 tấn/h (76.800 tấn/năm) do Công ty TNHH Thiết bị Nhiệt Việt Nam cung cấp thiết bị, lắp ráp.

- Quy trình sản xuất bê tông nhựa nóng:

Nguyên liệu → Hệ thống cấp cốt liệu (Phễu cấp cốt liệu, băng tải) → Hệ thống sấy nóng cốt liệu (Tang sấy → Băng gàu nóng → Sàng rung phân loại → Phễu chứa cốt liệu) → Buồng trộn → Xe vận chuyển bê tông.

↑
Hệ thống chứa hâm nóng nhựa Bitumen

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng
1	Nhà làm việc	m ²	353,71
2	Nhà nghỉ công nhân	m ²	320,00
3	Trạm trộn bê tông nhựa nóng	m ²	862,00
4	Trạm trộn bê tông tươi 1	m ²	845,73
5	Trạm trộn bê tông tươi 2	m ²	845,73
6	Khu vực nhà để xe	m ²	304,35
7	Khu vực tập kết cát	m ²	5.285,12
8	Khu vực tập kết đá 1x2	m ²	3.830,75
9	Khu vực tập kết đá cấp phối	m ²	4.323,37
10	Nhà kho	m ²	270
	- Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường	m ²	100
	- Khu vực lưu chứa chất thải rắn nguy hại	m ²	60
	- Kho chứa hóa chất, vật tư	m ²	110
11	Nhà xưởng sản xuất	m ²	450,00
12	Khu vực xử lý nước thải	m ²	80,00
13	Đài nước, giếng khoan	hệ thống	1,00
14	Bể nước ngầm	hệ thống	1,00
15	Cổng, hàng rào	md	886,63
16	Đất cây xanh cảnh quan	m ²	6.538,52
17	Sân, đường giao thông	m ²	8.314,68
18	Hệ thống PCCC	hệ thống	1,00
19	Hệ thống chiếu sáng	hệ thống	1,00
20	Hệ thống cấp thoát nước	hệ thống	1,00
	Tổng diện tích	m²	32.659,96

1.4.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:
 - + Hoạt động giải phóng mặt bằng; san gạt, đào đắp.
 - + Hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, xây dựng dự án.
 - + Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Trong giai đoạn vận hành:
- + Hoạt động sản xuất bê tông tươi.
- + Hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng.
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.
- + Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị; quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án.
- + Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.
- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, san gạt, đào đắp; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và tổ chức thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại; các sự cố có thể xảy ra do hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sản xuất bê tông tươi và bê tông nhựa nóng.

- Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án.

- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.

- Các hoạt động trên có phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; các sự cố có thể xảy ra do hoạt động sản xuất, hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và hoạt động khai thác nước dưới đất không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 03 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS); các hợp chất hữu cơ (BOD, COD); các chất dinh dưỡng (N, P); dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án với lưu lượng khoảng 2,32 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS); các hợp chất hữu cơ (BOD, COD); các chất dinh dưỡng (N, P); dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

+ Nước thải sản xuất gồm có:

Nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông tươi: Phát sinh với lưu lượng khoảng 07 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là độ đục, các chất lơ lửng (SS), độ pH cao.

Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải của Trạm trộn bê tông nhựa nóng: Phát sinh với lưu lượng nước khoảng 10 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS).

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng; hoạt động tập kết nguyên vật liệu; các phương tiện vận chuyển và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất bê tông tươi và bê tông nhựa nóng; quá trình vận hành máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển và từ quá trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 23,2 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình với khối lượng khoảng 8,3 kg/ngày; thành phần chủ yếu là: vỏ bao xi măng; đất, đá, cát, rơi vãi; gạch vỡ; sắt, thép, ống nhựa, que hàn ...

- Giai đoạn vận hành:

+ Nguyên liệu rơi vãi trong quá trình nhập liệu lên dây chuyền sản xuất: Phát sinh khoảng 59,8 kg/ngày (11,49 tấn/năm). Thành phần chủ yếu gồm: cát, đá, bê tông nhựa nóng rơi, bê tông bị đông cứng của các xe vận chuyển.

- + Thùng carton, giấy vụn, bao bì,...: phát sinh khoảng 0,01 tấn/năm.
- + Chất thải là bê tông không đạt tiêu chuẩn: Phát sinh khoảng 53,84 tấn/năm.
- + Thùng chứa phụ gia (Gồm bao bì chứa bột khoáng, thùng đựng nguyên liệu nhựa đường sau khi sử dụng): Phát sinh khoảng 23 thùng phụ/ngày.
- + Bùn thải: Bùn thải từ bể tự hoại; bùn thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải của trạm trộn bê tông nhựa nóng (Phát sinh khoảng 1,2 tấn/năm); bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải của Trạm trộn bê tông tươi (Phát sinh khoảng 4,5 tấn/năm).

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh không thường xuyên với khối lượng khoảng 2-3 kg/tháng; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, thùng sơn thải....
- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với khối lượng khoảng 30-40 kg/năm; thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, bình ắc quy, bóng đèn huỳnh quang thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; từ công tác gia cố nền móng; hoạt động thi công xây dựng trên công trường.
- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động sản xuất bê tông tươi và bê tông nhựa nóng; quá trình vận hành máy móc, thiết bị; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

3.4. Các tác động khác:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 58,79 m³/ngày; thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát).
- + Tác động do sự cố sạt lở, sụt lún đất; sự cố cháy nổ, tai nạn lao động.
- + Tác động đến cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp M'Đrắk, hoạt động giao thông và kinh tế-xã hội khu vực dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- + Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 692,39 m³/ngày).
- + Tác động do rủi ro, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải; sự cố cháy nổ; sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu FO; tai nạn lao động.
- + Tác động tài nguyên nước dưới đất (Việc khai thác nước dưới đất không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước...).
- + Tác động đến cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp M'Đrắk, hoạt động giao thông và kinh tế-xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được lưu chứa tạm thời tại 01 nhà vệ sinh di động đặt cạnh lán trại của công nhân xây dựng (Kích thước: 0,94 m x 1,7 m x 2,95 m). Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom nước thải, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn; nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác được thu gom, dẫn qua song chắn rác và chuyển về ngăn thứ 3 của bể tự hoại 3 ngăn) → Hồ thu (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B). Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom nước thải sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Khi Cụm công nghiệp M'Đrắk đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, Chủ dự án sẽ thực hiện đấu nối nước thải sinh hoạt của Dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định.

- Công trình: Gồm có 02 bể tự hoại 03 ngăn (Dung tích 08 m³/bể) đặt tại nhà vệ sinh của khu nhà làm việc và khu nhà nghỉ của công nhân; 01 hồ thu (Kích thước: 1 m x 0,8 m x 1,85 m).

* Nước thải sản xuất: Gồm có nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông tươi và nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải của Trạm trộn bê tông nhựa nóng.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông tươi:

+ Quy trình thu gom: Nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông tươi → Song chắn rác → Mương dẫn nước thải → Hệ thống xử lý nước thải (Công suất 09 m³/ngày đêm) để xử lý → Tái sử dụng toàn bộ vào hoạt động sản xuất bê tông của dự án theo đúng quy định pháp luật; không xả nước thải ra môi trường.

+ Khi Cụm công nghiệp M'Đrắk đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, Chủ dự án sẽ thực hiện đấu nối nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông tươi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định.

+ Quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải công suất 9 m³/ngày đêm: Nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông tươi → Bể điều hòa kết hợp tách dầu mỡ → Bể lắng 1 (bể lắng ngang) → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng 2 (bể lắng đứng) → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải (Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Tái sử dụng toàn bộ vào hoạt động sản xuất bê tông của dự án theo đúng quy định pháp luật.

+ Bùn lắng (thu gom từ bể lắng 1 và bể lắng 2) được thu gom về bể chứa bùn; hợp đồng với đơn vị chức năng để định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (01 tháng/lần)

+ Dầu thải (Thu gom từ Bể điều hòa tách dầu mỡ) được chứa vào bể chứa dầu thải và lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị chức năng để định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Các hạng mục của Hệ thống xử lý nước thải bê tông tươi (công suất 9 m³/ngày): Mương dẫn nước thải (Kích thước: 17,65 m x 0,6 m x 0,4 m); Bể điều hòa kết hợp tách dầu mỡ (Kích thước: 2,5 m x 2 m x 1,8m; thể tích 9 m³; thời gian lưu nước là 24 giờ); Bể lắng 1 (Kích thước: 2 m x 2 m x 1,5m; thể tích 6 m³; thời gian lưu nước là 2 giờ); Bể keo tụ tạo bông (Kích thước: 2 m x 1,5 m x 0,5m; thể tích 1,5 m³; thời gian lưu nước là 4 giờ); Bể lắng 2 (Kích thước: dài 4 m x rộng 2 m; chiều sâu lớn nhất là 1,7m, chiều sâu nhỏ nhất 0,45m; thể tích 8,6m³; thời gian lưu nước 23 giờ); Bể khử trùng (Kích thước: 2 m x 1,5 m x 0,5m; thể tích 1,5 m³; thời gian lưu nước là 04 giờ); Bể chứa (Kích thước: 2,5 m x 2 m x 1,8m; thể tích 9 m³; thời gian lưu nước là 24 giờ).

- Nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải của Trạm trộn bê tông nhựa nóng:

+ Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế đồng bộ kèm hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất bê tông nhựa nóng.

+ Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải từ hệ thống xử lý khí thải sẽ được dẫn vào hệ thống bể lắng có cấu tạo 4 ngăn (Dung tích mỗi ngăn là 5 m³). Tại đây, nước thải được lắng qua nhiều lần. Sau quá trình lắng, nước thải ở ngăn thứ 4 được bơm tuần hoàn trở lại tháp hấp thụ I và II tại hệ thống xử lý khí thải. Sau thời gian được bơm tuần hoàn, tái sử dụng vào quá trình xử lý khí thải, lượng nước này sẽ được thu gom vào thùng chứa và được hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Bùn cặn từ các ngăn của bể lắng sẽ được bơm vào bể chứa bùn. Hợp đồng với đơn vị chức năng để định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (01 tháng/lần).

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định; không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào. Nước thải sản xuất phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường để tái sử dụng vào hoạt động sản xuất của Dự án theo đúng quy định của pháp luật. Đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Phải thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khi Cụm công nghiệp M'Đrắk đã đầu tư và vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải này.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công:

- Yêu cầu đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường

- Ưu tiên xây dựng trước đối với hạng mục tường rào bao quanh dự án để giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận.

- Tận dụng lượng đất đá thải để san lấp mặt bằng; không vận chuyển ra ngoài khuôn viên dự án.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chờ đúng tải trọng quy định; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 1-2 lần/ngày vào những ngày nắng nóng. Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và trên đường ra vào Dự án, đảm bảo vệ sinh môi trường. Lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại công trường thi công, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, có phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: không có.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án và từ quá trình sản xuất bê tông tươi, cụ thể như sau:

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận tải (vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, chất thải rắn) được phủ bạt kín (hoặc có che chắn) để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu hoặc phát tán chất thải ra môi trường; chờ đúng tải trọng quy định.

+ Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc tập kết nguyên liệu sản xuất.

+ Vệ sinh sạch sẽ bồn trộn xe vận chuyển bê tông, xe bơm bê tông thương phẩm sau mỗi lượt vận chuyển.

+ Bê tông hóa sân và đường nội bộ dự án; thường xuyên vệ sinh công nghiệp khu vực kho bãi và khu vực sản xuất.

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng:

+ Hệ thống xử lý khí thải được thiết kế đồng bộ kèm theo dây chuyền sản xuất bê tông nhựa nóng.

+ Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi, khí thải từ Tang sấy → Cyclon thu bụi khô → Quạt ly tâm → Hệ thống lọc bụi ướt (Gồm có: Tháp hấp thụ 1 và 2; dung dịch hấp thụ là $(\text{CaOH})_2$) → Thoát ra môi trường qua ống khói cao 14,4 m (Khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT; cột B với hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$).

+ Bụi và tạp chất sẽ được thu gom, theo dòng nước dẫn về hệ thống bể lắng 4 ngăn (tổng dung tích là 20 m^3) để tiếp tục xử lý.

- Các biện pháp khác:

+ Xây dựng tường rào bao quanh khu vực Dự án, cách ly dự án với khu vực lân cận.

+ Trang bị kính, khẩu trang chuyên dụng và các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định.

+ Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu phù hợp, có phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

+ Trồng cây xanh có tán, thảm cỏ trong khuôn viên nhà máy với diện tích là 6.538,52 m². Đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện biện pháp quản lý, giám sát và các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B .

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải có nguồn gốc hữu cơ được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy (loại 60 lít); hợp đồng với đơn vị dịch vụ về vệ sinh môi trường tại địa phương thu gom và xử lý (định kỳ 1 ngày/lần). Đối với chất thải có khả năng tái chế sẽ được lưu chứa tạm thời vào thùng chứa có nắp đậy (loại 15 lít), sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Lượng đất, đá thải, gạch vụn ... được tận dụng vào san lấp mặt bằng; không vận chuyển ra ngoài Dự án. Các chất thải rắn xây dựng khác (thùng nhựa, giấy, sắt thép thải, bao xi măng...) có khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom vào khu vực riêng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải có nguồn gốc hữu cơ: Lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy (oại 120 lít) đặt tại khu nhà làm việc và khu nhà nghỉ công nhân; hợp đồng với đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường tại địa phương định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý (01 ngày/lần).

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế (như các vỏ chai, các loại bao bì, giấy, ...) sẽ được thu gom riêng vào thùng chứa có nắp đậy (loại 120 lít) đặt

trong kho chứa chất thải rắn thông thường (Diện tích 100m²; bố trí tại khu vực nhà kho) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với chất thải là nguyên vật liệu rơi vãi trong quá trình nhập liệu lên dây chuyền sản xuất (cát, đá, bê tông nhựa nóng rơi, bê tông bị hư hỏng): Được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu san lấp nền.

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế (Như: can nhựa, chai, lọ ...không có thành phần nguy hại): Được thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Đối với chất thải là các loại thùng chứa phụ gia bê tông, bao bì chứa bột khoáng: Được thu gom và lưu chứa tạm thời tại khu vực lưu chứa chất thải thông thường (Diện tích 100m²; bố trí tại khu vực nhà kho của Dự án) và chuyển trả lại cho nhà cung cấp khi nhập đợt hàng mới.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải bê tông tươi (Hệ thống xử lý công suất 09 m³/ngày đêm) và từ quá trình xử lý bụi và khí thải của Trạm trộn bê tông nhựa nóng: Được thu gom định kỳ; thực hiện phân định và phân loại theo quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước để có biện pháp quản lý, xử lý theo quy định theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Nếu bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định pháp luật thì sẽ được thu gom và quản lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn và lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng và bố trí thiết bị lưu chứa, khu vực riêng trong diện tích dự án để lưu chứa tạm thời lượng chất thải nguy hại phát sinh (Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 09 m²; xây kín, mái lợp tôn; đặt tại phía Nam dự án).

- Kết thúc quá trình thi công, nhà thầu thi công phối hợp với Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, dán mã chất thải nguy hại tương ứng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Kho lưu chứa tạm chất thải nguy hại có diện tích là 60 m² được bố trí tại

khu vực nhà kho của Dự án. Kho chứa chất thải nguy hại được thiết kế có tường bao, mái che kín, có dán biển cảnh báo theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ chất thải.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chủ dự án phải yêu cầu các nhà thầu chỉ được sử dụng các thiết bị, máy móc đã được kiểm định theo quy định, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, sử dụng trang thiết bị, máy móc chuyên dụng phù hợp; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

- Ưu tiên xây dựng tường rào bao quanh Dự án trước để cách ly dự án với khu vực lân cận dự án, giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ lao động theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và thực hiện đăng kiểm theo đúng quy định đối với các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Xây dựng nhà xưởng đúng tiêu chuẩn thiết kế quy định. Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Gia cố chân đế, móng hoặc lắp đặt đế chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn khi vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị, dụng cụ và phương tiện sản xuất để giảm độ rung.

- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, bảo dưỡng.

- Bố trí hàng rào bao quanh Dự án. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ

rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hạ tầng, hoạt động giao thông:

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong cụm công nghiệp và giao thông công cộng; xây dựng hàng rào bao quanh khu vực thi công.

- Thực hiện san nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch phân khu, đảm bảo hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp M'Đrắk.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đào rãnh thoát nước mưa; thường xuyên khơi thông rãnh để dòng chảy thoát theo địa hình thoát về khu vực trũng phía Nam dự án (Dọc tuyến đường giao thông quy hoạch ĐS02 của cụm công nghiệp).

- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu ở vị trí thích hợp, có nền cao hơn so với khu vực xung quanh và thực hiện che chắn để tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Thường xuyên dọn dẹp công trường thi công; quản lý chặt chẽ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, thu gom lượng dầu nhớt thải vào thùng chứa có nắp đậy và lưu chứa tại kho chứa tạm thời chất thải nguy hại trên công trường.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Khi Cụm công nghiệp M'Đrắk chưa đầu tư hoàn thiện Hệ thống thoát nước mưa: Toàn bộ nước mưa của Dự án được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa nội bộ của dự án (Hệ thống công dẫn bằng BTCT; D 400 mm, D 600 mm) → Thoát theo tuyến đường đất ĐS2 và chảy theo địa hình về các khe suối cận khu vực lân cận dự án (Phía Đông Bắc Dự án; cách dự án khoảng 400 m).

+ Nước mưa trên mái được thu gom qua hệ thống thu gom nước mưa bằng các ống nhựa PVC D168 mm → Hồ ga thu nước mưa → Hệ thống thoát nước mưa nội bộ của dự án.

+ Nước mưa chảy tràn: Một phần nước mưa chảy tràn thấm tự nhiên vào đất (tại khu vực đất trống, đất trồng cây xanh); phần còn lại được thu gom vào hồ ga thu nước mưa → Hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Dự án.

- Khi Cụm công nghiệp M'Đrắk đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa chung của cụm công nghiệp: Toàn bộ nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa nội bộ của dự án → Hệ thống thoát nước mưa chung của Cụm công nghiệp M'Đrắk.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa sẽ được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng và khơi thông dòng chảy.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; đảm bảo đáp ứng các điều kiện về tiêu thoát nước của cụm công nghiệp và các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện và cháy nổ:

- Ban hành và giám sát thực hiện các nội quy làm việc tại Dự án (Gồm có: nội quy ra, vào Dự án; nội quy về an toàn lao động và sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện, phòng chống cháy nổ).

- Lập phương án phòng cháy chữa cháy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và thực hiện theo phương án được phê duyệt; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, thiết bị phòng cháy và chữa cháy cho các công trình của Dự án, đảm bảo chất lượng; bố trí các biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án.

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án.

- Các trang thiết bị có sử dụng điện được kiểm tra, bảo trì theo quy định; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn điện, không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

4.5.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Tập huấn cho công nhân các quy định về công tác an toàn lao động; yêu cầu tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sụt lún, sạt lở đất:

Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây sụt lún đất, sạt lở đất trong suốt quá trình thi công.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 9 m³/ngày đêm theo đúng quy trình kỹ thuật; tiến hành kiểm tra, giám định hiệu quả xử lý của công trình để đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi tái sử dụng vào hoạt động sản xuất bê tông của Dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Định kỳ bảo dưỡng, thay thế các thiết bị bị hỏng làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý khí thải. Thông báo cho nhà cung cấp khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4.5.5. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động do sự cố tràn dầu FO, sự cố rò rỉ hóa chất:

- Thường xuyên kiểm tra các bồn chứa nhựa đường và thùng chứa dầu FO trong quá trình hoạt động dự án. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị ứng phó sự cố rò rỉ nhựa đường, tràn dầu. Lắp đặt biển cấm, biển báo phòng chống cháy nổ, cấm lửa tại khu vực này.

- Bố trí khu vực lưu trữ hóa chất phải đảm bảo an toàn, có biển báo, bảng thông tin dữ liệu an toàn về hóa chất (Kho chứa loại hóa chất có diện tích 110m²; kết cấu chính gồm có: Móng, cột bê tông cốt thép; mái hệ khung thép tiền chế; mái lợp tôn; nền bê tông, tường gạch). Thiết lập nội quy ra vào kho hóa chất bao gồm việc quy định nghiêm cấm các trường hợp mang vào hoặc sử dụng các chất dễ cháy trong kho. Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Dự án theo đúng quy định của Luật Hóa chất và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.5.6. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến môi trường nước dưới đất:

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về tài nguyên nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát diễn biến lưu lượng, mực nước, chất lượng nguồn nước tại giếng khai thác. Báo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng tụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực thăm dò khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án:

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần (02 lần trong giai đoạn xây dựng).
 - Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí tiếp giáp với khu vực đất hạ tầng Cụm công nghiệp M'Đrắk (phía Đông Dự án) và 01 điểm tại vị trí giáp ranh đường giao thông ĐS2.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng số, SO₂, NO₂, CO;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi), khi chuyển giao cho chất thải cho đơn vị thu gom xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.3. Giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án:

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng số, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại vị trí khu vực trạm trộn bê tông nhựa nóng và khu vực trạm trộn bê tông tươi; 01 điểm tại Khu vực tập kết nguyên liệu (phía Đông Dự án, giáp khu vực đất xây dựng hạ tầng của cụm công nghiệp) và 01 điểm tại vị trí khu vực tiếp giáp đường giao thông ĐS2.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2.2. Giám sát khí thải của Trạm trộn bê tông nhựa nóng:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng số, SO₂, NO_x, CO.
- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại ống thoát khí thải (Ống khói) sau hệ thống xử lý khí thải của Trạm trộn bê tông nhựa nóng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B với hệ số K_p = 1,0; K_v = 1,0).

5.2.3. Giám sát nước thải của hoạt động sản xuất bê tông tươi:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: pH, Tổng P, Amoni, TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng và Coliform.
- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại bể chứa sau xử lý hệ thống xử lý nước thải công suất 09 m³/ngày đêm (Trước khi tái sử dụng vào hoạt động sản xuất bê tông của Dự án).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải sinh hoạt và kho lưu chứa chất thải rắn thông thường.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (Trường hợp bùn thải đã được phân định, phân loại theo quy định tại QCVN 50:2013/ BTNMT và được xác định là không có thành phần chất thải nguy hại).
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).
- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án).

5.2.5. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải;

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom chất thải nguy hại phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án).

5.2.6. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (Tại giếng khoan của Dự án).

- Thông số giám sát: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO₃), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Clorua (Cl⁻) Florua (F⁻), Sắt (Fe), Cadimi (Cd), Asen (As), Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.7. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa; hệ thống thu gom xử lý nước thải; hệ thống xử lý khí thải; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy; an toàn điện; an toàn hóa chất; an toàn và vệ sinh lao động.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước và xây dựng. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng và các thủ tục khác liên quan theo đúng quy định pháp luật. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể, Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp M'Đrăk đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối

đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu các tác động tiêu cực do chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất bê tông. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, đơn vị quản lý cụm công nghiệp để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai, vận hành Dự án.

6.4. Xây dựng, lắp đặt hoàn chỉnh các công trình xử lý nước thải, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.5. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án theo đúng quy định; không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào. Nước thải sản xuất phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường và tái sử dụng hoàn toàn vào hoạt động sản xuất của Dự án theo đúng quy định của pháp luật. Đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Phải thực hiện đầu nổi nước thải của Dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khi Cụm công nghiệp M'Đrắk đã đầu tư và vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

6.6. Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.7. Tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định hiện hành về tài nguyên nước liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; chỉ được khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, chấp thuận theo quy định của pháp luật; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước dưới đất tại khu vực được phê duyệt, phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.8. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường do hoạt động triển khai của Dự án; khắc phục sự cố môi trường và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.9. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chỉnh chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập

nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.10. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.